

Số: /KH-UBND

Bình Lương, ngày 07 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH

**Triển khai dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:
Mô hình chăn nuôi Vịt bầu thương phẩm
thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025**

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh, bền vững giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 (đợt 1).

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Về quy định, định mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa, về quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của UBND huyện Như Xuân về việc triển khai thực hiện Dự án 2 và Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn huyện Như Xuân.

UBND xã Bình Lương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án như sau:

Phần thứ nhất

GIỚI THIỆU DỰ ÁN, SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

I. SƠ LƯỢC THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên Dự án giảm nghèo: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Mô hình chăn nuôi Vịt bầu thương phẩm.

2. Cấp phê duyệt dự án: UBND huyện Như Xuân

3. Cơ quan thực hiện Dự án: UBND xã Bình Lương

Địa chỉ: xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại:

Mã Tài khoản số: 9527.4.1025138.00000 tại Phòng giao dịch số 10 – Kho bạc Nhà nước khu vực X.

4. Cơ quan chỉ đạo, quản lý Dự án: Ban Chỉ đạo là UBND huyện (thông qua Ban Chỉ đạo Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo huyện), Ban Quản lý là UBND xã Bình Lương.

5. Địa điểm, quy mô thực hiện dự án: Tại 06 thôn trên địa bàn xã Bình Lương.

6. Đối tượng thụ hưởng của Dự án: 39 hộ (trong đó hộ nghèo 04 hộ, 02 hộ cận nghèo và 33 hộ mới thoát nghèo)

7. Phương án đầu tư: Thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

8. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Nguồn vốn dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025. Quy định tại Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 (đợt 1).

9. Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí: 548.975.000 đồng.

+ Ngân sách nhà nước: 237.175.000đ

+ Kinh phí đóng góp của cộng đồng và nguồn huy động hợp pháp khác: 311.800.000đ

10. Thời gian triển khai, thực hiện dự án: Không quá 03 năm.

II. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ GIẢM NGHÈO CỦA XÃ

1. Đặc điểm tự nhiên

Bình Lương là xã nằm ở phía Đông Nam của huyện Như Xuân, cách trung tâm huyện hơn 4km; phía Đông giáp xã Tân Bình; phía Tây giáp xã Hóa Quý; phía Nam giáp xã Xuân Bình và xã Xuân Thái huyện Như Thanh; phía Bắc giáp thị trấn Yên Cát; có 6 thôn, gồm: Thôn Quang Trung, thôn Làng Gió, thôn Thắng Lộc, thôn Làng Sao, thôn Hợp Thành và thôn Làng Mài.

Tổng diện tích tự nhiên: 7.182,51ha. Trong đó: Diện tích đất nông nghiệp: 6.749,85ha (đất lâm nghiệp 6.105,79ha; đất sản xuất nông nghiệp 561,55ha; đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt 82,5ha; đất nông nghiệp khác 432,61ha); đất phi nông nghiệp: 385,52ha; đất chưa sử dụng: 47,09ha.

Trên địa bàn xã có 744 hộ dân; dân số 3119 người, có 04 dân tộc chủ yếu đang sinh sống trên địa bàn (Thái, Thổ, Mường, Kinh). Năm 2025 xã có 22 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 3,02%; 22 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 3,02%.

Ngành nghề chính của địa phương là sản xuất nông nghiệp, trồng rừng, chăn nuôi gia súc và các hoạt động dịch vụ nông nghiệp khác.

2. Đặc điểm xã hội

a. Dân số:

Dân số 744 hộ, với 3119 khẩu

b. Lao động:

Lực lượng lao động dồi dào chiếm 65% tổng số dân, trong đó chủ yếu là lao động nông nghiệp, người dân cần cù, siêng năng, có kinh nghiệm trong sản xuất và chăn nuôi.

Chất lượng lao động ngày một nâng cao cả về tay nghề và trình độ.

c. Chính sách xã hội:

Đảng bộ, chính quyền địa phương luôn chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần. Các phong trào: *Đền ơn đáp nghĩa, Uống nước nhớ nguồn, Lá lành đùm lá rách nên tạo thành sức mạnh đoàn kết cao*. Được sự quan tâm của các cấp ủy đảng chính quyền địa phương và cấp trên nên tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giảm nhanh. Tuy nhiên, vẫn đang còn nhiều hộ nghèo, khó khăn so với mặt bằng chung của xã.

d. Chất lượng đội ngũ cán bộ:

Đội ngũ cán bộ xã, cán bộ làm công tác giảm nghèo có năng lực và trình độ, được tập huấn các kỹ năng và kiến thức về giảm nghèo.

Như vậy, với đặc điểm xã hội của xã việc xây dựng và thực hiện dự án giảm nghèo là rất cần thiết.

3. Đặc điểm kinh tế, trình độ sản xuất của địa phương:

Tổng giá trị sản xuất (giá hiện hành 2024) ước đạt 130.06 tỷ đồng: Trong đó: Nông lâm nghiệp, thủy sản: 69,46 tỷ đồng; Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp - xây dựng: 25,4 tỷ đồng; Dịch vụ thương mại – Vận tải tiền lương, tiền công): 35,2 tỷ đồng.

* Về Nông nghiệp: giá trị sản xuất đạt 32,3 tỷ đồng, chiếm 46.5% giá trị sản xuất ngành nông – lâm – thủy sản.

* Về Chăn nuôi, thú y: tổng đàn hiện có: Trâu 300 con; bò 220 con; dê 129 con; lợn 340 con, gia cầm khoảng hơn 20 nghìn con. Nhìn chung đàn đại gia súc, gia cầm đều được chăm sóc tốt, không có dịch bệnh xảy ra.

* Kinh tế lâm nghiệp tiếp tục được quan tâm: giá trị sản xuất đạt 18,8 t đồng, chiếm 27% giá trị ngành nông – lâm – thủy sản. Trong 6 tháng đã triển khai trồng rừng được 75,5 ha. Khai thác rừng trồng 75,5ha. Tổng diện tích rừng trồng đến hết tháng 5/2024 trên địa bàn xã là 864ha.

* Về thủy sản: giá trị thủy sản đạt 4,86 tỷ đồng, chiếm 6,99% giá trị ngành nông, lâm, thủy sản; Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản mặt nước trên địa bàn xã là 80,23 ha, sản lượng đạt 120 tấn.

* Về Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng. (Theo giá 2010) ước đạt 25,4 tỷ đồng, trong đó: Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp ước đạt 10 tỷ đồng, sản phẩm chủ yếu: Gạch không nung, sản xuất đồ mộc dân dụng, cơ khí gò hàn, nhôm kính...; Giá trị Xây dựng ước đạt 15,4 tỷ đồng, chủ yếu là xây dựng trong nhân dân.

* Về Dịch vụ thương mại, vận tải: (theo giá 2010) ước đạt 35,2 tỷ đồng, trong đó: mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 12,4 tỷ đồng; vận tải ước đạt 11,6 tỷ đồng, tiền công, tiền lương 11,2 tỷ đồng.

Như vậy, từ đặc điểm trên cho thấy xã Bình Lương rất có tiềm năng để thực hiện tốt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Mô hình chăn nuôi Vịt bầu thương phẩm. Tiềm năng đó là có diện tích chăn thả, nguồn thức ăn sẵn có, cùng với kinh nghiệm chăn nuôi gia cầm của nhân dân.

Tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã khá nhưng hộ nghèo, cận nghèo còn chiếm tỷ lệ cao, đời sống của hộ nghèo, cận nghèo còn nhiều khó khăn. Do vậy việc xây dựng và thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp tại xã là rất cần thiết để giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo vào cuối năm 2025 và nâng cao mức sống người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo.

III. CƠ SỞ XÂY DỰNG DỰ ÁN

1. Cơ sở pháp lý:

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh, bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 (đợt 1).

- Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Về quy định, định mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa, về quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của ủy ban nhân dân huyện Như Xuân về việc triển khai thực hiện Dự án 2 và Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn huyện Như Xuân.

2. Cơ sở khoa học và thực tiễn:

- Chăn nuôi vốn là nghề đã có từ lâu đời nên nhân dân có kinh nghiệm trong chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi gà, vịt, từ cách thức chăm sóc con giống đến làm chuồng trại.

- Trong xã có đội ngũ cán bộ thú y, cán bộ làm công tác giảm nghèo có năng lực và thường xuyên được đưa đi dự các buổi tập huấn về chăn nuôi.

- Trong xã, thôn cũng thường xuyên mở các lớp học, các buổi họp trao đổi về kinh nghiệm sản xuất và chăn nuôi giữa những người dân với nhau.

Phần thứ hai

NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỦA DỰ ÁN

1. Mục tiêu chung:

Việc nhân rộng mô hình xuất phát từ nhu cầu của cộng đồng và hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đảm bảo công khai, dân chủ trong tổ chức thực hiện, mở rộng sự tham gia và giám sát của cộng đồng, người dân nhằm nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh và đa dạng hóa về thu nhập cho người nghèo, hộ nghèo; tạo cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực thị trường; dự án phải gắn kết với nhu cầu của thị trường, đầu ra cho sản phẩm; phù hợp quy hoạch phát triển sản xuất của địa phương; quy mô phù hợp khả năng kinh phí và năng lực quản lý.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được khi kết thúc dự án

- Tạo việc làm, tăng thu nhập của các hộ nghèo tham gia dự án;
- Số hộ dự kiến thoát nghèo, thoát cận nghèo sau khi tham gia dự án: 60% trở lên;
- Tạo được việc làm thêm cho ít nhất 39 lao động khi tham gia mô hình, tính theo lao động chính của các hộ gia đình;
- 100% người nghèo, cận nghèo tham gia mô hình được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về sản xuất kinh doanh, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.
- Dự án có tính khả thi cao, bền vững và khả năng nhân rộng trên địa bàn thực hiện.

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tổng kinh phí thực hiện Dự án: là 548.975.000 đồng.

- Chia theo nguồn vốn:

- + Ngân sách nhà nước: 237.175.000đ
- + Kinh phí đóng góp của cộng đồng và nguồn huy động hợp pháp khác: 311.800.000đ

(Kinh phí này được tính theo giá công lao động/ngày, giá vật tư, vật liệu của hộ dân cùng góp để cùng mua giống, chuồng trại, thức ăn nuôi gà....)

* Dự kiến các nội dung hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước:

- Chi hỗ trợ các hộ tham gia dự án gồm 39 hộ là 237.175.000đ chiếm 43,2% kinh phí dự án, trong đó:
 - + Chi mua Vật tư, con giống (hộ nghèo): 28.000.000 đ
 - + Chi mua Vật tư con giống (Hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo = 80%): 196.000.00đ

- Chi tập huấn chuyển giao KHKT: 9.175.000 đ

- Chi phí quản lý chung: 4.000.000 đ

III. CÁC RỦI RO, GIẢ ĐỊNH VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

1. Các rủi ro và giả định:

Do tình hình dịch bệnh không thể lường trước được nên việc tiêm phòng và thường xuyên kiểm tra để phát hiện dịch bệnh kịp thời là rất cần thiết. Đối với người dân nghèo thì việc đầu tư để mua lại vịt giống là không khả thi.

2. Biện pháp khắc phục rủi ro:

Khi phát hiện dịch bệnh thì yêu cầu cán bộ thú y đến kiểm tra và chữa trị, trường hợp không thể khắc phục được thì UBND xã hỗ trợ để hộ dân tiếp tục chăn nuôi, trong trường hợp tự ý bán hoặc giết thịt làm thất thoát nguồn vốn thì hộ gia đình phải chịu bồi thường toàn bộ vốn được đầu tư.

IV. HIỆU QUẢ DỰ KIẾN CỦA DỰ ÁN

- Giúp các hộ thực hiện dự án vươn lên thoát nghèo, thoát cận nghèo, thoát nghèo bền vững, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo tại xã.
- Nâng cao kiến thức trong việc chăn nuôi cho người dân, thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu, tạo thêm việc làm cho lao động trong thời gian nông nhàn.
- Đội ngũ cán bộ được nâng cao về kiến thức quản lý, kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án.

Phần thứ 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập bộ phận thực hiện và quản lý, giám sát Dự án

*** Ban Quản lý cấp xã gồm:**

Đại diện lãnh đạo UBND xã, Hội Nông dân, Phụ nữ, Cựu chiến binh, công chức Kế toán, VH - LĐTBOXH, địa chính NLN, Khuyến nông viên, Thú y.

*** Tổ giám sát thôn:**

- Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn làm Tổ trưởng;
- Công an viên làm Tổ viên;
- Trưởng ban Công tác Mặt trận làm Tổ viên;

2. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên

Ban quản lý dự án được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước huyện và sử dụng con dấu của UBND xã để giao dịch.

* Ban quản lý dự án có trách nhiệm quản lý và điều hành thực hiện dự án có hiệu quả như sau:

- Phê duyệt danh sách hộ tham gia thực hiện dự án
- Tổ chức thực hiện các nội dung của dự án
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở các hộ để hỗ trợ thực hiện
- Tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện dự án về UBND huyện.

* Tổ giám sát thôn có trách nhiệm quản lý và điều hành thực hiện dự án có hiệu quả

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các hộ để hỗ trợ thực hiện dự án có hiệu quả cao;
- Báo cáo kết quả thực hiện dự án tại thôn mình về ban quản lý xã để cùng nhau tổ chức có hiệu quả cao.

3. Giám sát và đánh giá:

- Đánh giá và giám sát số con, số tiền thu được từ việc bán vịt, số hộ gia đình được tham gia nhân rộng mô hình.

- Phương pháp đánh giá gồm:

- + Phương pháp quan sát: Quan sát quá trình phát triển dự án...
- + Phương pháp thống kê: Thống kê số hộ tham gia dự án, thống kê số lượng con giống, thống kê sản phẩm sau gần 4 tháng thực hiện dự án...
- + Phương pháp so sánh: So sánh chất lượng cuộc sống trước và sau của các hộ gia đình tham gia dự án. Rút ra tính khả thi của dự án.
- + Phương pháp tổng hợp: Những kết quả đạt được, những bài học kinh nghiệm của dự án...

- Phân công quản lý, giám sát, đánh giá: cho từng người, từng thành viên nằm trong Ban quản lý cấp xã đã được phân công.

+ Phó Chủ tịch UBND: Quản lý chung

+ Cán bộ chính sách: Tiếp thu công văn, quyết định của cấp trên, tham mưu giúp Ban quản lý dự án cấp xã.

+ Hội ND, công chức ĐC NLN: Có trách nhiệm kiểm tra con giống, chuồng trại...

+ Kế toán xã: Thực hiện các bước thủ tục liên quan đến tài chính, kinh phí thực hiện dự án.

+ Cán bộ Thú y: Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến dịch bệnh con giống.

+ Hội phụ nữ: Vận động các hộ gia đình tham gia dự án thoát nghèo,...

4. Chế độ báo cáo:

- Thời gian báo cáo: sau khi kết thúc dự án.

- Đơn vị nhận báo cáo: UBND huyện Như Xuân.

Nơi nhận:

- Phòng Nông nghiệp & MT (để báo cáo);
- TT Đảng ủy, HĐND xã (để báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND xã;
- MTTQ, các đoàn thể xã;
- Công an xã, Trưởng các thôn;
- Lưu: VT.

**PT. ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Đình Phú